

Hà nội, ngày 29.. tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

(Đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt
tại văn bản số 43/NQ-HCVN ngày 19 tháng 3 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018
A	B	C	I
I	Giá trị SXCN Theo giá thực tế		45.536.861
II	Tổng Doanh thu	"	47.928.507
III	Lợi nhuận trước thuế		612.224
IV	Sản phẩm sản xuất	Tấn	
1	Phân supe lân	"	855.012
2	Phân lân nung chảy	"	498.799
3	Phân DAP	"	445.662
4	Phân đạm Urê	"	554.153
5	Phân NPK	"	1.669.104
6	Apatit các loại	"	2.823.122
7	Thuốc sát trùng	"	13.700
8	Xút NaOH th. phẩm	"	66.045
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	101.734
10	HCL thương phẩm	"	110.021
11	Lốp ô tô các loại	chiếc	3.157.277
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	7.351
13	Ăc qui các loại	kwh	2.088.657
14	Chất tẩy rửa	Tấn	389.846
V	Sản phẩm tiêu thụ		
1	Phân supe lân	Tấn	602.000
2	Phân lân nung chảy	"	422.000
3	Phân DAP	"	456.038
4	Phân đạm Urê	"	591.307
5	Phân NPK	"	1.729.091
6	Apatit các loại	"	2.680.000

01001
P Đ C
Đ Á C
I E T I
T M K I E H

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018
A	B	C	I
7	Thuốc sát trùng	"	14.254
8	Xút NaOH th. phẩm	"	66.045
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	101.734
10	HCl thương phẩm	"	110.021
11	Lốp ô tô các loại	Chiếc	3.146.046
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	7.526
13	Ắc qui các loại	kwh	1.974.057
14	Chất tẩy rửa	Tấn	380.815
VI	Xuất nhập khẩu		673.806
	Nhập khẩu	Ngh.USD	315.647
	Xuất khẩu	"	358.159
VII	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	1.058
VIII	Thuế & khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	1.817

(*) Lợi nhuận cộng hợp

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

- Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế 48.239 tỷ đồng tăng 5,9% so với thực hiện năm 2018;
- Doanh thu: 49.812 tỷ đồng tăng 3,9% so với thực hiện năm 2018;
- Lợi nhuận (cộng hợp): 537 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách: Theo quy định;
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 674 triệu USD. Trong đó: nhập khẩu 328 triệu USD, xuất khẩu 346 triệu USD;
- Tổng giá trị đầu tư xây dựng toàn Tập đoàn 796 tỷ đồng;
- Bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2019, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp theo các nhóm sau:

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý

Tiếp tục rà soát, xây dựng để hoàn thiện các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với Điều lệ Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Triển khai thực hiện chương trình Hành động của Tập đoàn

Tích cực triển khai Chương trình hành động của Tập đoàn Công nghiệp Hoá chất Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

3. Triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 16/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Đẩy mạnh công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp theo lộ trình đã được phê duyệt, tạo nguồn thu để cơ cấu lại tài chính của Tập đoàn.

- Khẩn trương triển khai thực hiện cổ phần hóa khi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước và Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam và Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam và ban hành các quyết định về cổ phần hóa.

- Thực hiện việc cổ phần hóa và thoái vốn theo đúng kế hoạch và lộ trình. Bảo đảm việc bán đấu giá cổ phần lần đầu, thoái vốn tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn, bán bớt vốn theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch theo đúng quy định pháp luật, nhằm bảo toàn vốn và phát triển vốn đã đầu tư của Tập đoàn.

4. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô

4.1 Giải pháp chung

- Chuẩn bị tốt các điều kiện cho sản xuất ngay từ những ngày đầu của năm 2019; đẩy mạnh sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu phân bón cho sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm khác phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của sản xuất và tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Tham gia tích cực vào bình ổn thị trường trong nước, đảm bảo cân đối lớn về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

- Quản lý tốt máy móc thiết bị; chuẩn bị đủ vật tư dự phòng và có kế hoạch thay thế, sửa chữa phù hợp; làm chủ thiết bị, công nghệ để vận hành sản xuất ổn định dài ngày, nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm;

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước và nước ngoài;

- Phát triển thị trường, tăng mạnh sản lượng tiêu thụ đối với sản phẩm lớp Radial; quản lý tốt chất lượng sản phẩm; chuẩn bị các yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu;

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" để thúc đẩy tiêu thụ hàng sản xuất trong nước giữa Tập đoàn với các Tập đoàn, Tổng công ty trong nước và giữa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn với nhau;

- Tiếp tục triển khai nội dung phối hợp nhằm đẩy mạnh tiêu thụ theo từng nhóm sản phẩm cao su, lân nung chảy, NH₃, đạm urê và sản phẩm DAP.

- Tập đoàn tiếp tục duy trì các đoàn công tác chuyên đề thực hiện kế hoạch kiểm tra với các nội dung: quản trị chi phí (mua bán vật tư, tiêu thụ sản phẩm); định mức kinh tế kỹ thuật, sửa chữa lớn; lao động tiền lương...

4.2 Đối với các đơn vị có kết quả sản xuất kinh doanh tốt

- Các đơn vị cần chủ động cập nhật các phương án sản xuất kinh doanh đã xây dựng nhằm ổn định sản xuất. Chủ động gắn sản xuất với thị trường để đảm




bảo tồn kho nguyên vật liệu, sản phẩm ở mức hợp lý; đẩy mạnh tiêu thụ, nâng cao hiệu quả của quản lý nhằm giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh sản phẩm góp phần tăng hiệu quả chung của doanh nghiệp;

- Thực hiện giám sát đặc biệt đối với các đơn vị có kết quả sản xuất kinh doanh lỗ. Yêu cầu các đơn vị triển khai đồng bộ các giải pháp đồng thời với việc kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước, Chính phủ giải quyết, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp sớm ra khỏi tình trạng giám sát đặc biệt.

5. Đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng đối với các dự án trọng điểm của Tập đoàn

- Đôn đốc việc thực hiện các Dự án trọng điểm (gồm: các Dự án khai thác quặng apatit tại khai trường Ngòi Đum Đông Hồ, khai trường 19...của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam; Dự án Mua đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai và Dự án Đầu tư thay thế bình điện phân DD350 của Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam; Dự án Mua đất tại Khu công nghiệp An Phước, tỉnh Đồng Nai của Công ty CP PinẮc quy Miền Nam...) đúng tiến độ, kế hoạch dự kiến trong năm 2019.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tập đoàn;
- Tổng giám đốc (e-copy);
- Lưu, VT. 

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN
HOÁ CHẤT
VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bùi Thế Chuyên

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ
A	B	C	1	2	3=2/1
I	Giá trị SXCN theo giá thực tế		45,536,861	48,239,379	105.9
II	Tổng Doanh thu	"	47,928,507	49,812,294	103.9
III	Lợi nhuận trước thuế	"	612,224	537,015	87.7
IV	Sản phẩm sản xuất				
1	Phân supe lân	Tấn	855,012	760,000	88.9
2	Phân lân nung chảy	"	498,799	527,000	105.7
3	Phân DAP	"	445,662	516,000	115.8
4	Phân đạm Urê	"	554,153	676,298	122.0
5	Phân NPK	"	1,669,104	1,656,000	99.2
6	Apatit các loại	"	2,823,122	2,470,000	87.5
7	Thuốc sát trùng	"	13,700	12,250	89.4
8	Xút NaOH th. phẩm	"	78,802	72,150	91.6
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	101,734	100,000	98.3
10	HCl thương phẩm	"	110,021	109,000	99.1
11	Lốp ô tô các loại	Chiếc	3,157,277	3,699,320	117.2
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	7,351	8,167	111.1
13	Ắc qui các loại	Kwh	2,088,657	2,092,282	100.2
14	Chất tẩy rửa	Tấn	389,846	397,940	102.1
V	Sản phẩm tiêu thụ				
1	Phân supe lân	Tấn	602,000	522,000	86.7
2	Phân lân nung chảy	"	422,000	462,000	109.5
3	Phân DAP	"	456,038	516,000	113.1
4	Phân đạm Urê	"	591,307	680,000	115.0
5	Phân NPK	"	1,729,091	1,661,300	96.1
6	Apatit các loại	"	2,680,000	2,537,286	94.7
7	Thuốc sát trùng	"	11,833	11,620	98.2
8	Xút NaOH th. phẩm	"	66,825	72,150	108.0
9	Axit Sunfuric H2SO4 th. phẩm	"	98,000	100,000	102.0
10	HCl thương phẩm	"	105,700	109,000	103.1
11	Lốp ô tô các loại	Chiếc	3,146,065	3,719,320	118.2
12	Lốp xe máy	1000 chiếc	7,526	8,267	109.8
13	Ắc qui các loại	Kwh	1,974,057	2,072,282	105.0
14	Chất tẩy rửa	Tấn	380,815	397,456	104.4
VI	Xuất nhập khẩu		673,806	674,616	100.1
	Nhập khẩu	1000 USD	315,647	328,234	104.0
	Xuất khẩu	"	358,159	346,382	96.7
VII	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	1,058	796	75.2
VIII	Thuế & các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	1,817	1,625	89.4